TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN CÁT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25-6-2024
V/v Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Cổn;

2. Bà Từ Thị Ngọc Duyên

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 788/2023/TLST-HNGĐ ngày 7 tháng 11 năm 2023, về việc: "ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/6/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thanh T, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ 13, khu phố 3, phường MP, thành phố BC, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ 4, Kkhu phố KĐ, phường AĐ, thành phố BC , tỉnh Bình Dương. Có mặt.

ông S ủy quyền cho ông Phan Quốc S1, sinh năm 1965; địa chỉ: Khu phố 2, phường MP, thành phố BC, tỉnh Bình Dương và ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1964; địa chỉ: Tổ 14, khu phố KA, phường AĐ, thành phố BC, tỉnh Bình Dương (giấy ủy quyền ngày 14/12/2023, ủy quyền tham gia đối với quan hệ tài sản chung); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn Bà Trương Thanh T trình bày:

Về hôn nhân: bà Trương Thanh T và ông Nguyễn Thanh S sống chung từ năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An Điền, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương, hôn nhân tự nguyện, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính, bất đồng ý kiến, quan điểm sống, vợ chồng đã cố gắng trao đổi, hàn gắn tính cảm nhưng không được, hiện vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng việc ai người đó làm, không quan tâm, lo lắng cho nhau, vợ chồng mâu thuẫn không thể hàn gắn nên bà Trương Thanh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà và ông S ly hôn.

Về con chung có 2 con chung là Nguyễn Thanh Thảo H, sinh năm 2001 và Nguyễn Thanh Sơn T1, sinh năm 2005, con chung đã đủ 18 tuổi nên bà Trương Thanh T không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: bà Trương Thanh T yêu cầu chia đôi tài sản chung sau đây:

+ Phần đất thứ nhất: Thuộc thửa đất số 3480 tờ bản đồ số 51 tại phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, nguồn gốc đất nhận chuyển nhượng năm 2011 đến năm 2014 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giá nhận chuyển nhượng là hai trăm tám mươi mấy triệu, bà Trương Thanh T không nhớ chính xác, tiền chuyển nhượng là do hai vợ chồng làm có, tài sản trên đất có 01 căn nhà do vợ chồng bỏ tiền xây dựng, tiền xây nhà là 800.000.000 đồng, trong đó tiền vay là 300.000.000 đồng, tiền bán miếng đất do mẹ bà Trương Thanh T cho, bán đất được 430.000.000 đồng, đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH09861 do Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát cấp ngày 12/8/2014 cho Ông Nguyễn Thanh S. Nhà và đất này bà Trương Thanh T yêu cầu chia đôi cho bà Trương Thanh T và ông S mỗi người ½.

+ Phần đất thứ hai: Thuộc thửa đất số 145 tờ bản đồ số 38 tại xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, đất có nguồn do cha mẹ của ông S mua sau đó tặng cho bà Trương Thanh T và ông S, đất này nhận chuyển nhượng 2 lần, lần thứ nhất nhận chuyển nhượng khoảng hơn 17.000m^2, thời gian nhận chuyển nhượng là năm 2001, ngay sau khi nhận chuyển nhượng thì cha mẹ ông S giao đất cho ông S và bà Trương Thanh T sử dụng, khi nhận chuyển nhượng có cây cao su người bán đất mới trồng, khoảng hơn 1 năm sau cha mẹ ông S tiếp tục nhận chuyển nhượng phần đất khoảng 3.000m^2 sau đó tặng cho vợ chồng ông S, hai phần đất này nhập thành một thửa 145 như hiện tại, đất này bà Trương Thanh T và ông S sử dụng từ năm 2001 cho đến nay, tài sản trên đất khi nhận chuyển nhượng có cây cao su bà Trương Thanh T và ông S chăm sóc sau đó khai thác rồi thanh lý, hiện có trồng lại cây cao su nhưng không chăm sóc nên cây hiện còn nhỏ và không có giá trị, đất được sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương cấp số vào sổ CS10230 ngày 26/9/2019 cho Ông Nguyễn Thanh S và Bà Trương Thanh T, ngoài ra ông S và bà Trương Thanh T có văn bản thỏa thuận nhập tài sản này thành tài sản chung. Đối với thửa đất này bà

Trương Thanh T yêu cầu chia đôi cho bà Trương Thanh T và ông S mỗi người ½.

Về nợ chung: Không có nợ chung.

Bị đơn Ông Nguyễn Thanh S và người đại diện của ông S trình bày:

ông S thống nhất với bà Trương Thanh T về thời điểm sống chung, đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không thể hàn gắn, ông S đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Trương Thanh T, hiện vợ chồng vẫn sống chung nhưng không còn quan tâm hay lo lắng cho nhau.

Về con chung: ông S thống nhất với ý kiến trình bày của bà Trương Thanh T về con chung.

Về tài sản chung: Người đại diện của ông S là ông S1 thống nhất tài sản có hai thửa đất như bà Trương Thanh T trình bày, thửa đất số 3480 tờ bản đồ số 51 tại phường Mỹ Phước thì ông S1 thống nhất với ý kiến của bà Trương Thanh T đồng ý chia đôi cho bà Trương Thanh T và ông S.

Đối với thửa đất tại số 145 tờ bản đồ số 38 tại xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, đất có nguồn gốc của cha mẹ ông S tặng cho riêng ông S, sau này được biết tài sản này ông S đã nhập thành tài sản chung với bà Trương Thanh T, về quá trình sử dụng đất thì ông S cũng thống nhất vợ chồng ông S sử dụng đất từ năm 2001 cho đến nay. Nay xét về nguồn gốc trong việc hình thành, tạo lập nên tài sản thì ông S đề nghị chia cho ông S 70% diện tích đất, đề nghị chia cho bà Trương Thanh T 30% diện tích đất, ông S không đồng ý chia đôi cho như bà Trương Thanh T yêu cầu, nếu bà Trương Thanh T không đồng ý thì đề nghị tòa án phân chia theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự giữ nguyên các ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án;

- Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát có ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ là đúng theo quy định, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn.

Về con chung: Đã đủ 18 tuổi nên không xem xét.

Về tài sản chung: Đối với thửa đất số 3480 tờ bản đồ số 51 tại phường Mỹ Phước đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc chia đôi thửa đất.

Đối với thửa đất số 145 tờ bản đồ số 38 tại xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng thì đề nghị chia cho bà Trương Thanh T 40% diện tích thửa đất, chia cho ông S 60% diện tích thửa đất.

Về nợ chung: Không có nợ chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Nguyên đơn, bị đơn và người đại diện của bị đơn không cung cấp, bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thanh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với Ông Nguyễn Thanh S, vì bà cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã nghiêm trọng không thể hàn gắn được, bị đơn ông S đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà Trương Thanh T. Xét, các đương sự thống nhất ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này của các đương sự.

Về con chung: ông S và bà Trương Thanh T có 2 con chung là Nguyễn Thanh Thảo Huyền, sinh năm 2001 và Nguyễn Thanh Sơn Thắng, sinh năm 2005, con chung đã đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Bả Thảo khởi kiên yêu cầu chia đôi cho ông S và bà Trương Thanh T các tài sản sau đây:

Thửa đất thứ nhất: Thuộc thửa đất số số 145 tờ bản đồ số 38 tại xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, tài sản trên đất có 400 cây cao su trồng năm 2022 nhưng các đương sự thống nhất không tranh chấp cây cao su này.

Thửa đất thứ hai: Thuộc thửa đất số 3480 tờ bản đồ số 51 tại phường MP, thành phố BC, tỉnh Bình Dương. Tài sản trên đất có 01 căn nhà.

Bị đơn ông S đồng ý chia đôi tài sản là thửa đất số 3480 tờ bản đồ số 51 cùng tài sản trên đất là 01 căn nhà, đối với tài sản là thửa đất số 145 tờ bản đồ số 38 thì ông S không đồng ý chia đôi, ông S yêu cầu chia thửa đất này cho ông 70% diện tích, chia cho bà Trương Thanh T 30% diện tích vì căn cứ vào nguồn gốc thì đất này ông S được cha mẹ ruột tặng cho riêng, sau này ông S mới thỏa thuận nhập thành tài sản chung với vợ là bà Trương Thanh T.

Xét thấy, đối với đất và tài sản trên đất thuộc thửa 3480 tờ bản đồ số 51 tại phường MP, thành phố BC, ông S và bà Trương Thanh T đều thừa nhận là tài sản chung của ông bà và đồng ý chia mỗi người ½ nên yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thanh T về việc yêu cầu chia đôi đất và tài sản trên đất đối với tài sản này là có căn cứ chấp nhận.

Đối với thửa đất số 145 tờ bản đồ số 38 tại xã Long Nguyên bà Trương Thanh T yêu cầu chia đôi mỗi người ½, ông S chỉ đồng ý chia cho bà Trương Thanh T 30% diện tích đất, chia cho ông S 70% diện tích đất. Xét, thửa đất 145 có nguồn gốc được cha mẹ ông S tặng cho từ năm 2001, sau khi được tặng cho ông S và bà Trương Thanh T cùng quản lý, sử dụng cho đến nay, cụ thể ông S,

bà Trương Thanh T cùng chăm sóc cao su trên đất, sau khi cao su lớn cùng khai thác mủ và sau đó là thanh lý cây cao su và trồng lại như hiện nay, về mặt pháp lý thì ngày 17/12/2001 hộ Ông Nguyễn Thanh S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất này diện tích là 17.860m^2, ngày 11/5/2015 cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bổ sung diện tích nhận chuyển nhượng thêm thành 20.772,1m^2, đất vẫn cấp cho hộ Ông Nguyễn Thanh S, ngày 22/8/2019 ông S và bà Trương Thanh T có lập văn bản thỏa thuận nhập tài sản riêng vào tài sản chung vợ chồng, sau đó thửa đất số 145 được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông S và bà Trương Thanh T cùng đứng tên vào ngày 26/9/2019. Hội đồng xét xử thấy rằng ông S và bà Trương Thanh T thống nhất đất có nguồn gốc được cha mẹ ông S tặng cho, sau khi được tặng cho thì cùng đưa vào khai thác, quản lý, sử dụng từ năm 2001 cho đến nay, tháng 8 năm 2019 thì ông S, bà Trương Thanh T thỏa thuận nhập thửa đất này thành tài sản chung. Như vậy, từ những tài liệu chứng cứ, từ sự thừa nhận của các đương sự và những tình tiết thực tế cho thấy có căn cứ chấp nhận một phần ý kiến của bà Trương Thanh T về việc yêu cầu chia thửa đất 145 tờ bản đồ số 38 tại phường xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng. Tuy nhiên, xét thấy thửa đất 145 có nguồn gốc từ việc cha mẹ tặng cho ông S, ông S có công lớn hơn trong việc hình thành nên thửa đất số 145 nên cần chia thửa đất số 145 cho ông S tỷ lệ cao hơn, cụ thể chia cho ông S 60% thửa đất, chia cho bà Trương Thanh T 40% thửa đất.

Hiện tại bà Trương Thanh T đang sống tại nhà trên thửa đất 3480 tờ bản đồ số 51 tại phường Mỹ Phước. Vì vậy, để bà Trương Thanh T có điều kiện tiếp tục duy trì cuộc sống ổn định hiện tại thì cần chia cho bà Trương Thanh T thửa đất số 3480 tờ bản đồ số 51 và sở hữu toàn bộ tài sản trên thửa đất này, bà Trương Thanh T có nghĩa vụ hoàn trả cho ông S giá trị ½ thửa đất số 3480 và nhà trên đất, đối với thửa đất số 145 tờ bản đồ số 38 tại xã Long Nguyên thì chia cho bà Trương Thanh T 40% diện tích tương ứng diện tích 8.308,8m^2, chia cho ông S 60% diện tích đất tương ứng 12.463,3m^2.

Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ, biên bản thỏa thuận giá tài sản tranh chấp ngày 25/4/2024 thể hiện:

+ Thửa đất số 145 tờ bản đồ số 38 tại xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng; diện tích đất 20.772,1m^2 x 400.000 đồng/m^2 = 8.308.840.000 đồng;

+ Thửa đất số 3480 tờ bản đồ số 51 tại phường MP, thành phố BC diện tích 150m^2 trị giá 10.000.000 đồng/m^2; tài sản trên đất nhà ở trị giá 2.000.000 đồng/m^2 x 398.200.000 đồng. Tổng 1.898.200.000 đồng.

Như vậy, tổng giá trị tài mà bà T được quyền sở hữu, sử dụng là 5.221.736.000 đồng.

Tổng giá trị tài mà ông S được quyền sở hữu, sử dụng là 4.985.304.000 đồng.

bà Trương Thanh T có nghĩa vụ hoàn trả cho ông S giá trị ½ thửa đất số 3480 và nhà trên đất tương ứng số tiền 949.100.000 đồng (chín trăm bốn mươi chín triệu một trăm nghìn đồng).

Về nợ chung: bà Trương Thanh T và ông S không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ các phân tích trên có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Trương Thanh T đối với bị đơn Nguyễn Thanh Sơn về việc "ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn".

[2] Về án phí, chi phí đo đạc, định giá: Tổng chi phí đo đạc, định giá là 7.004.828 đồng, ông S và bà Trương Thanh T mỗi người phải chịu ½ tương ứng số tiền 3.502.414 đồng, bà Trương Thanh T đã nộp trong quá trình giải quyết vụ án, Sơn có nghĩa vụ trả lại bà Trương Thanh T số tiền 3.502.414 đồng.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thanh T và Ông Nguyễn Thanh S phải chịu án phí tương ứng giá trị tài sản mỗi người được chia.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1, 2 Điều 147, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 33, 43, 46, 51, 57, 59, 62 luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Bà Trương Thanh T và Ông Nguyễn Thanh S.

Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Thanh Thảo Huyền, sinh năm 2001 và Nguyễn Thanh Sơn Thắng, sinh năm 2005, con chung đã đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

II. Tuyên xử:

1. Về tài sản chung: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Trương Thanh T đối với bị đơn Ông Nguyễn Thanh S về việc "Chia tài sản khi ly hôn".

Tài sản chung của ông S, bà Trương Thanh T được chia như sau:

Bà Trương Thanh T được chia các phần đất:

+ Phần đất thứ nhất: thuộc thửa đất số 3480 tờ bản đồ số 51 tại phường MP, thành phố BC, tỉnh Bình Dương, diện tích 150m^2 và sở hữu tài sản trên đất là 01 căn nhà, đất được ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Bến Cát, tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN CH09861 ngày 12/8/2014 cho Ông Nguyễn Thanh S.

+ Phần đất thứ hai: Diện tích 8.308,8m^2 thuộc một phần thửa đất số 145 tờ bản đồ số 38 tại xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN CS10230 ngày 26/9/2019 cho Ông Nguyễn Thanh S và Bà Trương Thanh T (ký hiệu là I trên bản vẽ).

Ông Nguyễn Thanh S được chia phần đất: Diện tích 12.463,3m^2 thuộc một phần thửa đất số 145 tờ bản đồ số 38 tại xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN CS10230 ngày 26/9/2019 cho Ông Nguyễn Thanh S và Bà Trương Thanh T (ký hiệu là II trên bản vẽ).

Có sơ đồ bản vẽ kèm theo thể hiện các phần đất bà Trương Thanh T, ông S được quản lý, sử dụng.

Ông Nguyễn Thanh S và Bà Trương Thanh T có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất mình được sử dụng.

bà Trương Thanh T có nghĩa vụ hoàn trả lại ông S số tiền 949.100.000 đồng (chín trăm bốn mươi chín triệu một trăm nghìn đồng) tương đương ½ giá trị quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 3480 tờ bản đồ số 51 tại phường Mỹ Phước và tài sản trên đất là 01 căn nhà.

Kể từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực thi hành và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải thanh toán cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Trương Thanh T đối với bị đơn Ông Nguyễn Thanh S về việc "Chia tài sản chung khi ly hôn" đối với yêu cầu chia ½ diện tích thửa đất số 145 tờ bản đồ số 38 tại xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

3. Về nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu tòa án giải quyết.

4. Về chi phí đo đạc, định giá: Ông Nguyễn Thanh S và bà Trương Thị Thanh Thảo mỗi người phải chịu số tiền 3.502.414 đồng, bà Trương Thanh T đã nộp xong trong quá trình giải quyết vụ án, ông S phải trả lại bà Trương Thanh T số tiền 3.502.414 đồng.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trương Thanh T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình và 112.272.000 đồng (một trăm mười hai triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn đồng) án phí chia tài sản chung. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0012516 ngày 2/11/2023 và số tiền 3.750.000 đồng tại biên lai thu số 0002017 ngày

13/11/2023 bà Trương Thanh T đã tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương, bà Trương Thanh T còn phải nộp tiếp số tiền 108.222.000 đồng (một trăm lẻ tám triệu hai trăm hai mươi hai nghìn đồng).

Ông Nguyễn Thanh S phải nộp số tiền 113.934.404 đồng (một trăm mười ba triệu chín trăm ba mươi bốn nghìn bốn trăm lẻ bốn đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành ph Bến Cát;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố Bến Cát;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tiến